

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 7 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Ông Lê Văn Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Hồng C, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/6/2019 và tại phiên tòa, chị Trịnh Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống vợ chồng vào năm 1995, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến ngày 12/5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, thường đi chơi với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có hai người con tên Nguyễn Chí T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1999, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian chung sống như lời chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân mâu thuẫn do anh thất nghiệp không có việc làm nên không có tiền đưa cho chị trang trải cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai người con tên Nguyễn Chí T, sinh năm: 1996; Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1999, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Hồng C, anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị xác định có 02 người con chung tên: Nguyễn Chí T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1999, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C, anh D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị C, anh D khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Hồng C và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Chí T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1999, hiện các con đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị C phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 6 năm 2019, chị C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000225 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trịnh Hồng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**